

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 01 - 2023

Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Khoa.

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng Ngọc G, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 18, ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Vũ D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 5, Khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Ngọc G trình bày:*

Chị G và anh D chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã L, huyện Đ, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gây gổ cãi nhau thường xuyên, nguyên do cuộc sống chung không thể hòa hợp hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Sự việc kéo dài đến tháng 6/2022 thì vợ chồng không còn chung sống với

nhau và ly thân đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị G và anh D có 01 con chung Vũ Thị Mỹ D, sinh ngày 17/5/2021, chị G yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Vũ D*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh D đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn.

3. *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do, là vi quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Căn cứ hồ sơ vụ án, chị G và anh D kết hôn hợp pháp, chị G xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn hiện không còn tình cảm với anh D. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án, anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải giữa các đương sự. Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng chị G, anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh D.

+ Về con chung: Chị G, anh D có 01 con chung tên Vũ Thị Mỹ D, sinh ngày 17/5/2021, chị G yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vũ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định chị Nguyễn Hồng Ngọc G và anh Vũ D tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ nên hôn nhân giữa chị G, anh D là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, chị G cho

rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ cãi nhau, nguyên do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống chung không thể hòa hợp và vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2022 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị G xác nhận hiện không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập anh D để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt, do đó Tòa án không thể hòa giải các đương sự. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị G được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị G và anh D có 01 con chung tên Vũ Thị Mỹ D, sinh ngày 17/5/2021, chị G yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu D hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng Ngọc G được ly hôn với anh Vũ D.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Mỹ D, sinh ngày 17/5/2021 cho chị Nguyễn Hồng Ngọc G được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Vũ D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị G không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết

nên không xem xét.

2. Án phí: Chị Nguyễn Hồng Ngọc G phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004799 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố B. Chị G đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND TT. P, H. Đ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Thức